

Số: 5522/QĐ-UBND

Móng Cái, ngày 18 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xác định số tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách cấp thành phố năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ Văn bản số 4025/STC-QLNS ngày 09/8/2024 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh về việc tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của HĐND thành phố Móng Cái về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024; cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 217/NQ-HĐND ngày 17/7/2024 của HĐND thành phố Móng Cái về việc phân bổ dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 từ nguồn kết dư ngân sách cấp thành phố năm 2023 chuyển sang năm 2024; điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu công năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 7188/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND thành phố Móng Cái về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2024; Quyết định số 3988/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 của UBND thành phố Móng Cái về việc điều chỉnh dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2024;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại số 1311/TTr-TCKH ngày 17/10/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên năm 2024 của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ, với tổng số tiền:

2.459.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm năm mươi chín triệu đồng);
Trong đó:

- Số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập cấp thành phố sử dụng ngân sách nhà nước: 1.641.000.000 đồng.

- Số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập nộp ngân sách nhà nước từ nguồn thu phí được để lại theo quy định: 295.000.000 đồng.

- Số tiết kiệm 5% dự toán chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp công lập trích bổ sung quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 523.000.000 đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo Quyết định này)

- Số tiền tiết kiệm 5% từ nguồn ngân sách nhà nước (1.641.000.000 đồng), số thu phí nộp ngân sách nhà nước (295.000.000 đồng) được sử dụng đúng mục đích theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường tiết kiệm chi ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành. Các đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đúng quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Các Ông (bà) Chánh Văn phòng HĐND và UBND Thành phố, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Kho bạc nhà nước Móng Cái, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan nêu tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (B/cáo);
- TT Thành ủy, TT HĐND TP (B/cáo);
- CT, các PCT UBND TP;
- Như điều 2 (thực hiện);
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

Hồ Quang Huy

**BIỂU TỔNG HỢP TIẾT KIỆM 5% DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ TỪ NGUỒN THU PHÍ,
THU SỰ NGHIỆP KHỎI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 5522/QĐ-UBND ngày 18/10/2024 của UBND thành phố Móng Cái)

STT	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm (Tr.đồng)	Kinh phí 5% tiết kiệm (Tr.đồng)				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó			
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại chi thường xuyên	Từ nguồn thu sự nghiệp để lại chi thường xuyên	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
	Tổng số	49.186	2.459	1.641	295	523	
I	Khối quản lý hành chính	9.527	476	476			
1	Văn phòng HĐND và UBND Thành phố	1.419	71	71			
-	Kinh phí tự chủ	1.185	59	59			
-	Kinh phí không tự chủ	234	12	12			
2	Phòng Tài chính - Kế hoạch	742	37	37			
-	Kinh phí tự chủ	592	29	29			
-	Kinh phí không tự chủ	150	8	8			
3	Phòng Quản lý đô thị	349	17	17			
-	Kinh phí tự chủ	349	17	17			
-	Kinh phí không tự chủ						
4	Phòng Kinh tế	512	26	26			
-	Kinh phí tự chủ	512	26	26			
-	Kinh phí không tự chủ						
5	Phòng Giáo dục và Đào tạo	216	11	11			
-	Kinh phí tự chủ	216	11	11			
-	Kinh phí không tự chủ						
6	Phòng Tư pháp	154	8	8			
-	Kinh phí tự chủ	154	8	8			
-	Kinh phí không tự chủ						
7	Phòng Y tế	477	24	24			
-	Kinh phí tự chủ	177	9	9			
-	Kinh phí không tự chủ	300	15	15			
8	Phòng Lao động thương binh và xã hội	373	19	19			
-	Kinh phí tự chủ	373	19	19			
-	Kinh phí không tự chủ						
9	Phòng Văn hóa và Thông tin	338	17	17			
-	Kinh phí tự chủ	338	17	17			
-	Kinh phí không tự chủ						
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường	565	28	28			
-	Kinh phí tự chủ	565	28	28			
-	Kinh phí không tự chủ						
11	Phòng Nội vụ	369	18	18			
-	Kinh phí tự chủ	369	18	18			
-	Kinh phí không tự chủ						
12	Thanh tra Thành phố	297	15	15			
-	Kinh phí tự chủ	297	15	15			
-	Kinh phí không tự chủ						
13	Trung tâm hành chính công	323	16	16			

STT	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm (Tr.đồng)	Kinh phí 5% tiết kiệm (Tr.đồng)				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó			
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại chi thường xuyên	Từ nguồn thu sự nghiệp để lại chi thường xuyên	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
-	Kinh phí tự chủ	137	7	7			
-	Kinh phí không tự chủ	186	9	9			
14	Văn phòng Thành ủy	2.001	100	100			
-	Kinh phí tự chủ	1.921	96	96			
-	Kinh phí không tự chủ	80	4	4			
15	Khối MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội	1.393	70	70			
-	Kinh phí tự chủ	1.393	70	70			
-	Kinh phí không tự chủ						
16	Chi khác quản lý hành chính (chưa phân bổ)						
II	Khối các đơn vị sự nghiệp công lập	17.431	872	53	295	523	
1	Ban quản lý rừng phòng hộ	415	21	21			
-	Kinh phí tự chủ	415	21	21			
-	Kinh phí không tự chủ						
2	Đội kiểm tra trật tự đô thị và môi trường	222	11	11			
-	Kinh phí tự chủ	222	11	11			
-	Kinh phí không tự chủ						
3	Trung tâm dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp	284	14	14			
-	Kinh phí tự chủ	284	14	14			
-	Kinh phí không tự chủ						
4	Hội chữ thập đỏ	74	4	4			
-	Kinh phí tự chủ	74	4	4			
-	Kinh phí không tự chủ						
5	Ban quản lý khu du lịch Trà Cổ	247	12			12	
-	Kinh phí tự chủ	247	12			12	
-	Kinh phí không tự chủ						
6	Trung tâm truyền thông và Văn hóa	499	25			25	
-	Kinh phí tự chủ	499	25			25	
-	Kinh phí không tự chủ						
7	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	362	18			18	
-	Kinh phí tự chủ	362	18			18	
-	Kinh phí không tự chủ						
8	Trung tâm chính trị	71	4	4			
-	Kinh phí tự chủ	71	4	4			
-	Kinh phí không tự chủ						
9	BQL cửa khẩu quốc tế Móng Cái	5.908	295		295		

STT	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm (Tr.đồng)	Kinh phí 5% tiết kiệm (Tr.đồng)				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó			
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại chi thường xuyên	Từ nguồn thu sự nghị để lại chi thường xuyên	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
10	Ban quản lý chợ Móng Cái	3.668	183			183	
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng	5.684	284			284	
III	Khối các trường học	22.228	1.111	1.111			
1	MN Hoa Mai	734	37	37			
2	MN Hồng Hà	234	12	12			
3	MN Ninh Dương	564	28	28			
4	MN Trà Cổ	343	17	17			
5	MN Bình Ngọc	312	16	16			
6	MN Hải Hòa	735	37	37			
7	MN Hải Yên	546	27	27			
8	MN Hải Tiến	831	42	42			
9	MN Hải Đông	846	42	42			
10	MN Hải Xuân	825	41	41			
11	MN Vạn Ninh	485	24	24			
12	MN Quảng Nghĩa	543	27	27			
13	MN Bắc Sơn	368	18	18			
14	MN Hải Sơn	391	20	20			
15	MN Vĩnh Thục	248	12	12			
16	MN Vĩnh Trung	158	8	8			
17	TH Lý Tự Trọng	629	31	31			
18	TH Đào Phúc Lộc	617	31	31			
19	TH Ka Long	727	36	36			
20	TH Ninh Dương	461	23	23			
21	TH Trà Cổ	273	14	14			
22	TH Bình Ngọc	292	15	15			
23	TH Hải Hòa	942	47	47			
24	TH Hải Yên	695	35	35			
25	TH Hải Tiến	593	30	30			
26	TH Hải Đông	562	28	28			
27	TH Hải Xuân	839	42	42			
28	TH Vạn Ninh	588	29	29			
29	TH Quảng Nghĩa	404	20	20			

STT	Đơn vị/Địa phương	Kinh phí chi thường xuyên còn lại thực hiện tiết kiệm (Tr.đồng)	Kinh phí 5% tiết kiệm (Tr.đồng)				Ghi chú
			Tổng cộng	Trong đó			
				Từ dự toán chi ngân sách được giao năm 2024	Từ nguồn thu phí được khấu trừ để lại chi thường xuyên	Từ nguồn thu sự nghịệp để lại chi thường xuyên	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
30	TH &THCS Bắc Sơn (khối tiểu học)	308	15	15			
31	TH &THCS Hải Sơn (khối tiểu học)	326	16	16			
32	TH Vĩnh Thục	458	23	23			
33	TH&THCS Vĩnh Trung (Khối tiểu học)	246	12	12			
34	THCS Hòa Lạc	336	17	17			
35	THCS Ka Long	374	19	19			
36	THCS Ninh Dương	455	23	23			
37	THCS Trà Cỏ	172	9	9			
38	THCS Hải Hòa	383	19	19			
39	THCS Bình Ngọc	291	15	15			
40	THCS Hải Yên	405	20	20			
41	THCS Hải Tiến	569	28	28			
42	THCS Hải Đông	191	10	10			
43	THCS Hải Xuân	507	25	25			
44	THCS Vạn Ninh	134	7	7			
45	THCS Quảng Nghĩa	339	17	17			
46	TH& THCS Bắc Sơn (khối THCS)	269	13	13			
47	TH&THCS Hải Sơn (khối THCS)	193	10	10			
48	THCS Vĩnh Thục	381	19	19			
49	TH&THCS Vĩnh Trung (khối THCS)	109	5	5			